TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2025/DS-ST
Ngày: 30-7-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Đoàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hương

2. Ông Huỳnh Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Giang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Cao Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 88/2025/TLST-DS ngày 13/01/2025 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5727/2025/QĐXXST-DS ngày 18/6/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2025/QĐST-DS ngày 07/7/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Ly K, sinh năm 1987 và ông Phạm Minh T, sinh năm 1985 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: số E Đường số H, phường T (khu phố E, phường T cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Dư Văn L, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: số A Đường số A, phường T (khu phố I, phường T cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Minh T và bà Hoàng Thị Ly K trình bày:

Ngày 20/7/2023, ông Phạm Minh T và bà Hoàng Thị Ly K có cho ông Dư Văn L vay số tiền 682.000.000 (sáu trăm tám mươi hai triệu) đồng, thời hạn vay 03 tháng, không thỏa thuận lãi suất. Việc vay tiền có lập bằng văn bản (bằng giấy

tay không được công chứng hoặc chứng thực). Sau khi ký giấy vay tiền, ông L đã nhận đủ số tiền vay 682.000.000 đồng. Số tiền vay là tài sản chung của vợ chồng bà K và ông T.

Đến thời hạn, bà K và ông T đã nhiều lần yêu cầu ông L trả tiền vay nhưng ông L cố tình trốn tránh, không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Do quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm, nguyên đơn ông Phạm Minh T và bà Hoàng Thị Ly K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bị đơn ông Dư Văn L có trách nhiệm trả tổng số tiền là 682.000.000 (sáu trăm tám mươi hai triệu) đồng tại giấy mượn tiền ngày 20/7/2023.

Nguyên đơn ông Phạm Minh T và bà Hoàng Thị Ly K xác định ông bà chỉ cho cá nhân ông L vay tiền, do đó chỉ yêu cầu cá nhân ông L có nghĩa vụ trả tiền. Khi vay tiền ông L không thế chấp tài sản gì để bảo đảm cho khoản vay.

Ngoài ra, bà K và ông T không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn ông Dư Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Phạm Minh T và bà Hoàng Thị Ly K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Dư Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn không đến Tòa, không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không có yêu cầu phản tố.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, thời gian mở phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử và nguyên tắc xét xử. Về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay; bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Phạm Minh T và bà Hoàng Thị Ly K yêu cầu bị đơn ông Dư Văn L trả số tiền nợ 682.000.000 (sáu trăm tám mươi hai triệu) đồng. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ kết quả xác minh ngày 05/3/2025 do Công an phường T (nay là phường T) cung cấp thì bị đơn ông Dư Văn L có cư trú tại số A Đường số A, phường T (khu phố I, phường T cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Dư Văn L vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc là 682.000.000 (sáu trăm tám mươi hai triệu) đồng:

Căn cứ vào "giấy mượn tiền" ngày 20/7/2023 được ký kết giữa ông Dư Văn L và ông Phạm Minh T có nội dung: "… Hôm nay ngày 20/7/2023, tôi có mượn của vợ chồng anh Phạm Minh T số tiền 682.000.000 (sáu trăm tám mươi hai triệu đồng) …", "…Sau 03 tháng A L1 hoàn trả số tiền trên cho vợ chồng A T1.". Ông Phạm Minh T và bà Hoàng Thị Ly K trình bày đã giao đủ số tiền 682.000.000 đồng cho ông Dư Văn L.

Bị đơn ông Dư Văn L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập đến Tòa án để trình bày ý kiến, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa sơ thẩm. Tuy nhiên, ông Dư Văn L vẫn vắng mặt không rõ lý do, không nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời không cung cấp các tài liệu chứng cứ liên quan đến giao dịch vay tiền giữa hai bên, coi như bị đơn đã từ bỏ quyền được pháp luật quy định. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ giấy mượn tiền ngày 20/7/2023, có đủ cơ sở xác định bị đơn ông Dư Văn L có vay của nguyên đơn ông Phạm Minh T và bà Hoàng Thị Ly K số tiền 682.000.000 đồng. Đến thời hạn, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Tòa án đã xác minh tình trạng hôn nhân của ông Dư Văn L để xác định nghĩa vụ chung (nếu có), tuy nhiên địa phương không xác định được. Nguyên đơn chỉ cho cá nhân ông L vay tiền nên chỉ yêu cầu cá nhân ông L có trách nhiệm trả tiền

là phù hợp quy định pháp luật. Căn cứ vào các Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc 682.000.000 (sáu trăm tám mươi hai triệu) đồng là có cơ sở và phù hợp.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Dư Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 93; khoản 1 Điều 147; Điều 186; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Minh T và bà Hoàng Thị Ly K về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" với bị đơn ông Dư Văn L:

Buộc ông Dư Văn L có trách nhiệm trả cho ông Phạm Minh T và bà Hoàng Thị Ly K số tiền nợ gốc là 682.000.000 (sáu trăm tám mươi hai triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Dư Văn L phải chịu 31.280.000 (ba mươi mốt triệu hai trăm tám mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Phạm Minh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.820.000 (bảy triệu tám trăm hai mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí

Tòa án số 0079214 ngày 13/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn trả cho bà Hoàng Thị Ly K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.820.000 (bảy triệu tám trăm hai mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0079218 ngày 13/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND KV2 TP. HCM;
- THADS TP. HCM;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hà Văn Đoàn